TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST Ngày: 14-02-2025 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Hoài Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ngọc Tường Vi;

2. Ông Trương Hữu Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 317/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Trương Thị Thúy A, sinh năm 1989. Hộ khẩu thường trú: Tổ A, ấp C, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương. Tạm trú: Tổ E, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quãng Ngãi.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Tổ A, ấp C, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt đến lần thứ hai không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn xin ly hôn ngày 12/9/2024, quá trình tố tụng, nguyên đơn bà A trình bày*:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà A và ông L chung sống với nhau từ năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương. Thời gian đầu chúng tôi chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn gia đình phát sinh từ năm 2011 và vợ chồng tôi đã ly thân hơn 10 năm nay, bà A đưa 02 con về sinh sống tại phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Từ đó đến nay, ông L không có liên lạc gì. Thấy mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng không còn tình cảm nên bà A làm đơn xin được ly hôn với ông L.

- *Về con chung:* Có 02 con chung tên Nguyễn Minh H, sinh ngày 08/01/2009 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 10/7/2012. Bà A yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu ông L cấp dưỡng nuôi 02 con.

- *Về tài sản chung*: Không tranh chấp, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không tranh chấp, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Chứng cứ nguyên đơn bà A giao nộp: Bản chính đơn xin ly hôn ngày 12/9/2024, bản tự khai ngày 12/9/2024; bản sao trích lục kết hôn; bản sao giấy khai sinh của con chung.

**** Bị đơn ông L***:

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tống đạt, niêm yết để ông L tham gia tố tụng nhưng ông L cố tình vắng mặt mà không có lý do nên không thu thập được ý kiến.

**** Xác minh và làm việc của Tòa án:***

- Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành xác minh đối với Ban lãnh đạo ấp C: Ông L có hộ khẩu thường trú tại ấp C, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương. Về nguyên nhân mâu thuẫn thì không rõ. Hiện nay, vợ chồng đã không còn sống chung từ nhiều năm nay.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:***

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đã thực hiện đầy đủ việc tống đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn có yêu cầu vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Việc vắng mặt của bị đơn là cố tình nên đề nghị xét xử vắng mặt đương sự theo các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố

tụng dân sự. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn và nuôi con chung. Đề nghị, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn, nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để bị đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án. Việc bị đơn vắng mặt tại phiên tòa là cố tình nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ông L có hộ khẩu thường trú tại ấp C, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng và quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Theo đơn xin ly hôn, bà A yêu cầu ly hôn với ông L; yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Minh H và Nguyễn Minh K, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi 02 con. Quá trình tố tụng, bà A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn, nuôi con chung.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà A:

[4.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà A và ông L chung sống với nhau từ năm 2009. Hôn nhân là tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 16/8/2010 tại Ủy ban nhân xã M, huyện D, Bình Dương. Hôn nhân giữa bà A và ông L đã thực hiện đúng thủ tục quy định nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Trong thời gian chung sống, bà A và ông L có xảy ra mâu thuẫn từ năm 2011, nguyên nhân do sống chung không hợp, không ai quan tâm, chăm sóc nhau; hiện vợ chồng không còn tình cảm, đã không còn sống chung với nhau từ nhiều năm nay. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông L cố tình vắng mặt, điều này thể hiện bị đơn không có thiện chí hòa giải để hàn gắn tình cảm. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà A được ly hôn với ông L theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] *Về con chung:* Trong thời gian chung sống, bà A và ông L có hai con

chung tên Nguyễn Minh H, sinh ngày 08/01/2009 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 10/7/2012. Bà A yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi 02 con. Xét thấy, cháu H và cháu K đều có nguyện vọng được sống cùng với mẹ nên Hội đồng xét xử giao 02 cháu cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.3] *Về cấp dưỡng:* Bà A không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Đây là sự tự nguyện của bà A nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4.4] *Về tài sản chung*: Bà A xác định không tranh chấp, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4.5] *Về nợ chung*: Bà A không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng về quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa cũng như nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[6] Bà A tự nguyện chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 19, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 85, 107 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con của bà Trương Thị Thúy A đối với ông Nguyễn Văn L.

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Trương Thị Thúy A được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

1.2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con*: Bà Trương Thị Thúy A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Minh H, sinh ngày 08/01/2009 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 10/7/2012. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trương Thị Thúy A về việc không yêu cầu ông Nguyễn Văn L cấp dưỡng nuôi con chung.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà A không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Bà Trương Thị Thúy A phải chịu toàn bộ số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số: 0007128 ngày 22/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Đoàn Hoài Trí